

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2017/HC-PT
Ngày 14 - 9 - 2017
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba
Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2017/TLPT-HC ngày 30 tháng 5 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2017/HC-ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 403/2017/QĐPT ngày 10 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1961

Địa chỉ: 343 ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trương Văn Tr - Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B2 - Công chức Tư pháp Ủy ban nhân dân xã P, huyện G (có mặt).

2. Phòng khám Đa khoa khu vực xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn T – Trưởng Phòng khám Đa khoa khu vực xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Văn B1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản đối thoại, các lời trình bày trong quá trình tố tụng, ông Nguyễn Văn B1 trình bày:

Ngày 27/11/2015, ông có làm đơn khiếu nại gửi đến UBND tỉnh B khiếu nại về trình tự, thủ tục xét cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho Phòng khám Đa khoa khu vực P vì lý do cấp trùng lên phần đất mà ông đang quản lý sử dụng từ những năm 1990 cho đến nay. Yêu cầu UBND tỉnh B thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho Phòng Khám Đa khoa khu vực P. Đồng thời yêu cầu cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông đối với phần đất có diện tích 234m², thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 13, trong tổng diện tích 2.871m². Đất tọa lạc tại: ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp thửa số 10 (Phòng khám Đa khoa khu vực P), Hướng Tây giáp với hẻm xuống R, Hướng Nam giáp thửa số 10 (Phòng khám Đa khoa khu vực P), Hướng Bắc giáp Lộ xã P;

Ngày 04/8/2016, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1791/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông với nội dung: “Không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn B1 về việc yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 234m² đất hiện do Trạm y tế xã P quản lý. Với lý do: Phần diện tích đất trên của Nhà nước quản lý từ năm 1975 đến nay”.

Quyết định số 1791/QĐ-UBND đã có nhận định trên sai là vì những lý do sau:

- Năm 1988, 1989, 1990 UBND xã P, huyện G có thông báo trên đài mời dân trong và ngoài xã P về lập chợ, lập phố để ở làm ăn buôn bán.

- Năm 1990, ông mua 02 nền. Năm 1991, ông mua của ông Nguyễn Dũng K 02 nền với giá 200.000đ và có đóng tiền cho UBND xã P đầy đủ. Ủy ban nhân dân xã P có giao sổ quyền sở hữu nhà đất, có quy định khi sang nhượng nhà ở phải đến Ban công trình đóng 5% trước bạ trên giá trị sang mới được sang tên chủ hộ, có xác nhận chủ quyền nhà ở, có phiếu thu tiền, có biên nhận cho phép cất nhà có ký tên đóng dấu. Gia đình ông ở từ năm 1990 đã xây dựng nhà cửa, các công trình phụ và có trồng một số cây trồng trên đất, đến khi bị mời đi thì ông mới biết được sự việc.

Ngày 30/5/2001, Nhà nước hợp thức hoá đất công theo Quyết định 2470/QĐ-UB trong đó có phần nhà đất của ông thành đất công nhưng không có cá nhân hay tổ chức nào thu hồi các loại giấy tờ đã ký tên đóng dấu đã giao cho ông.

Nay ông khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết: Tuyên huỷ Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B1.

Theo văn bản ngày 15/11/2016, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện ông Nguyễn Hữu L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có nhận được Đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn B1 đề ngày 27 tháng 11 năm 2015 và ngày 18 tháng 3 năm 2016, có nội dung: Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trạm y tế xã P nay là Phòng khám Đa khoa khu vực P trùm lên diện tích 234 m² đất ông B1 đang quản lý sử dụng. Ông B1 đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho Phòng khám và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 234 m² đất cho ông B1.

Diện tích 234 m² đất hiện ông Nguyễn Văn B1 khiếu nại trước giải phóng là một phần trong diện tích đất chế độ cũ sử dụng làm đồn bót. Sau giải phóng từ năm 1975 đến năm 1989, Công an Bến Tre quản lý và sử dụng xây dựng Trại quân huấn (Công an Bến Tre quản lý và sử dụng đất đồn bót là phù hợp với “Chính sách ruộng đất ban hành theo Nghị định 01 NĐ/75 ngày 05 tháng 3 năm 1975 của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam). Đến năm 1989, Trại quân huấn dời về xã C và giao đất lại cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý (Biên bản bàn giao ngày 27 tháng 01 năm 1989 có diện tích 4,7 ha). Sau khi tiếp nhận đất, Ủy ban nhân dân xã P quy hoạch sử dụng đất để thành lập chợ B. Năm 1990, Ủy ban nhân dân xã P có kêu gọi các hộ dân về ở trên phần đất này theo hình thức cho thuê đất, mỗi nền 50 m², ngang 5m, dài 10m và phải nộp tiền sang lấp mặt bằng 100.000 đồng/nền, và thu tiền thuê nền nhà hàng năm để kinh doanh. Hộ ông Nguyễn Văn B1 đăng ký và được thuê 02 nền và sau đó sang lại quyền thuê đất của hộ ông Nguyễn Dũng K 02 nền. Theo đo đạc thực tế hiện nay thì ông B1 đang sử dụng tổng diện tích 234 m².

Năm 1995, đo đạc đất xã P, phần đất có nhà của ông B1 đang ở (234 m²) thuộc một phần thửa 1274, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.100 m² do Ủy ban nhân dân xã P đứng tên và quản lý.

Năm 1996, Ủy ban nhân dân huyện G biết được Ủy ban nhân dân xã P hợp đồng cho thuê đất là trái với qui định của Luật Đất đai năm 1993 nên yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P ngưng việc cho thuê, từ đó các hộ dân tiếp tục sử dụng đất thuê nhưng huyện G chưa lập Hợp đồng thuê và thu tiền thuê đất với các hộ thuê đất cho đến nay trong đó có hộ ông Nguyễn Văn B1.

Thực hiện Luật Đất đai năm 1993, ngày 30/5/2001, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2470/QĐ-UBND hợp thức hóa quyền sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân xã P với tổng diện tích 43.026 m² thuộc lô số 1913, 1914, 1915, 1261, 1263, 1264, 1265, 1266, 1267, 1268, 1269, 1270, 1271, 1272, 1273, 1274, 1266 tờ bản đồ số 01, xã P do Công an tỉnh Bến Tre bàn giao từ năm 1989 cho UBND xã quản lý. Ủy ban nhân dân xã P được tiếp tục quản lý phần đất nêu trên để xây dựng phương án sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Ngày 14/4/2003, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 875/QĐ-UB hợp thức hóa và giao quyền sử dụng đất với diện tích 2.490 m² thuộc thửa 2020 (thửa mới tách từ thửa 1274) do Ủy ban nhân dân xã P quản lý cho Trạm Y tế xã P sử dụng. Tại thời điểm này có 03 hộ dân thuê đất đang ở trên phần đất giao cho Trạm Y tế gồm: Hộ ông Nguyễn Văn B1, hộ bà Trần Thị Thanh V, hộ bà Phạm Thị Minh T.

Ngày 11/10/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2206/QĐ-UBND phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Phòng khám Đa khoa khu vực P với diện tích 2.870 m² thuộc thửa số 10 tờ bản đồ số 13 (theo số liệu đo đạc năm 2005) trong đó có phần đất của ông B1, bà V và bà T đang ở. Ủy ban nhân dân xã P cùng các ngành chức năng của huyện đã vận động ông B1 cùng 02 hộ dân nói trên di dời nhà để giao mặt bằng xây dựng Phòng khám, huyện sẽ hỗ trợ cho mỗi hộ số tiền là 9.000.000 đồng để di dời nhà và giao cho mỗi hộ 80 m² đất thổ cư (quỹ đất của xã P) để cất nhà ở. Qua vận động, hộ bà V và bà T đồng ý nhận tiền hỗ trợ và di dời nhà, riêng hộ ông B1 không đồng ý. Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện G nhiều lần tổ chức vận động hộ ông Nguyễn Văn B1 di dời nhà, nhận 80 m² đất ở và 24.000.000 đồng gồm 9.000.000 đồng tiền di dời và 15.000.000 đồng tiền xây dựng nhà tình thương nhưng hộ ông B1 không đồng ý và khiếu nại cho đến nay.

Ngày 27/11/2015 và ngày 18/3/2016, ông B1 tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh với nội dung: Đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Trạm y tế và Phòng khám đa khoa xã P vì đã cấp trộm lên diện tích 234 m² đất ông B1 đang sử dụng và yêu cầu cấp giấy chứng nhận cho ông B1.

Ngày 06/7/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức buổi đối thoại với ông Nguyễn Văn B1 với sự tham dự các ngành chức năng của tỉnh.

Ngày 11/7/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh có thông báo kết luận giải quyết khiếu nại số 162/TB-UBND với nội dung:

“Việc ông Nguyễn Văn B1 yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 234 m² đất cho ông B1 là không có cơ sở giải quyết vì đây là đất công do Nhà nước quản lý và bố trí sử dụng từ sau năm 1975 cho đến nay.

Quyết định số 875/QĐ-UB ngày 14 tháng 4 năm 2003 của UBND tỉnh, về việc hợp thức hóa và giao quyền sử dụng diện tích 2.490 m² đất cho Trạm Y tế xã P, huyện G là đúng pháp luật”.

Qua rà soát hồ sơ địa chính, thì đến nay Trạm y tế xã P vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ông Nguyễn Văn B1 còn đang khiếu nại.

Ngày 04 tháng 8 năm 2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1791/QĐ-UBND giải quyết: Không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn B1 (cư ngụ ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre) về việc yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 234m² đất hiện do Trạm y tế

xã P quản lý. Lý do phân diện tích đất trên của Nhà nước quản lý từ năm 1975 đến nay.

Quyết định này của Chủ tịch Ủy ban nhân dân là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc khiếu nại của ông Nguyễn Văn B1 yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Trạm y tế xã P và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 234m² đất cho ông B1 là không có cơ sở giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, UBND xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Phòng khám Đa khoa khu vực xã P - Ông Đoàn Văn T trình bày: Ngày 14/4/2003, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 875/QĐ- UB hợp thức hóa và giao quyền sử dụng đất cho Trạm Y tế xã P sử dụng. Đất là của trạm y tế, Trạm y tế thống nhất với lời trình bày của đại diện Chủ Tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC- ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B1 về yêu cầu hủy Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông B.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/5/2017, ông Nguyễn Văn B1 kháng toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng: Theo Nghị định số 01/2017/NĐ-CP thì trường hợp đất của ông B1 được giao không đúng thẩm quyền trước 15/10/1993 và ông có giấy tờ chứng minh ông đã nộp tiền cho cơ quan, tổ chức để được sử dụng đất mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì người sử dụng đất được bồi thường về đất đối với diện tích đất được giao. Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông, hủy Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND tỉnh B. Yêu cầu UBND tỉnh B nếu thu hồi đất của ông thì phải bồi thường, hỗ trợ, nếu không thì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông để ông được sử dụng ổn định.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự trình bày như sau:

Ông B1 trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng Quyết định số 270 giao đất cho Trạm y tế xã chồng lấn đất của ông là sai do chưa thu hồi, bồi thường cho ông. Thực tế đất ông đã được xã bán cho ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của ông B1 trình bày: Đất ông B1 có cùng nguồn gốc như các hộ dân khác nhưng có một số hộ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B1 là sai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã P, huyện G, tỉnh Bến

Tre, người đại diện ông Nguyễn Văn B2 trình bày: UBND cho các hộ dân thuê đất, không bán đất, hiện tại còn hơn chục hộ chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Địa phương đã đồng ý hỗ trợ cho mỗi hộ dân 80m² đất ở cho các hộ dân là bảo đảm quyền lợi cho các hộ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật, không có vi phạm thủ tục tố tụng.

Về nội dung, nguồn gốc đất là do ông B1 thuê của xã và sang lại quyền thuê đất của ông K. Việc nhà nước giao đất cho Phòng khám đa khoa trong đó có diện tích đất ông B1 đang sử dụng, không bồi thường đất cho ông B1 là đúng quy định. Ông B1 được hỗ trợ một nền tái định cư là đã có lợi, quyết định số 1791/QĐ-UBND đúng pháp luật, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác đơn kháng cáo của ông B1, giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng:

[1]-Theo nội dung phần đầu đơn khởi kiện (BL: 07) thì ông Nguyễn Văn B1 ghi người bị kiện là UBND tỉnh B nhưng nội dung đơn kiện thì thể hiện rõ là khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 là quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông B1. Quá trình giải quyết vụ án ông B1 cũng yêu cầu hủy Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 04/8/2016. Nội dung bản án sơ thẩm thì cấp sơ thẩm cũng chỉ xem xét Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh. Trong quá trình tố tụng, ông B1 không thay đổi yêu cầu khởi kiện. Như vậy, mặc dù phần đầu đơn khởi kiện ông B1 ghi người bị kiện là UBND tỉnh B nhưng căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, quyết định hành chính bị khởi kiện cũng như lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng thì phải xác định tư cách người bị kiện trong vụ án này là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Tuy nhiên, trong bản án sơ thẩm và các văn bản tố tụng cấp sơ thẩm lại xác định người bị kiện là UBND tỉnh B là không đúng tư cách đương sự, vi phạm thủ tục tố tụng.

[2]- Tuy nhiên, trong vụ án thì Chủ tịch UBND tỉnh B đồng thời cũng lại người đại diện theo pháp luật của UBND tỉnh và đã được tham gia tố tụng nên vẫn có điều kiện trình bày ý kiến thể hiện quan điểm của mình. Do đó, sai sót này không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch UBND tỉnh B và các đương sự trong vụ án, đồng thời cũng không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án nên không cần hủy án sơ thẩm mà sửa một phần án sơ thẩm, xác định lại tư cách tố tụng của người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh B.

- Về nội dung vụ án:

[3]- Phần đất diện tích 234m² là một phần thuộc thửa số 10, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre, gia đình ông Nguyễn Văn B1 cất nhà, sử dụng diện tích đất này từ năm 1990, điều này được ông B1 và Chủ tịch UBND tỉnh B, UBND xã P thừa nhận.

- Về nguồn gốc đất thì các bên trình bày không thống nhất như sau:

[4]- Ông B1 cho rằng: Trong khoảng thời gian từ năm 1988 đến năm 1990, UBND xã P có thông báo trên đài mời dân trong và ngoài xã về lập chợ, lập phố để làm ăn, buôn bán. Năm 1990 ông B1 mua 02 nền đất, mỗi nền 50m² và đã nộp tiền đất cho UBND Xã là 200.000 đồng. Năm 1991 ông B1 sang nhượng lại của ông Nguyễn Dũng K 02 nền đất với giá 200.000 đồng. Ông B1 phải đăng ký việc mua đất của ông K với Ban công trình của Xã và phải đóng cho UBND Xã thêm 200.000 đồng. Ông B1 và gia đình đã cất nhà ở trên đất từ năm 1990 đến nay. Tổng diện tích đất ông đang sử dụng là 234m².

[5]- Người bị kiện cho rằng: Diện tích 234m² gia đình ông B1 đang sử dụng nằm trong diện tích 2.490m² thuộc thửa số 2020 (thửa mới là 10), xã P được UBND tỉnh B giao cho Trạm y tế xã P (nay là phòng khám Đa khoa khu vực xã P) theo Quyết định số 875/QĐ- UB ngày 14/4/2003 của UBND tỉnh. Nguồn gốc diện tích 2.490m² này trước năm 1975 nằm trong khu căn cứ quân sự của chế độ cũ, sau năm 1975 Công an tỉnh được giao làm trại tạm giam. Năm 1989 trại tạm giam chuyển đi nơi khác thì khu vực đất này được giao cho UBND Xã P quản lý. Năm 1990, UBND xã sử dụng một phần đất này để phân nền, mỗi nền là 50m² cho các hộ dân thuê đất. Ngoài tiền thuê đất hàng năm thì các hộ phải nộp 100.000đồng/nền tiền san lấp mặt bằng. Ông B1 thuê 02 nền và sang lại phần đất của ông Nguyễn Dũng K thuê của Xã là 02 nền. Năm 1995 đo đạc thì phần đất ông B1 thực tế sử dụng là 234m². Ngày 30/5/2001, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2470/QĐ-UBND hợp thức hóa quyền sử dụng đất công và giao cho UBND xã quản lý 43.026m² đất, trong đó có phần đất ông B1 đang sử dụng. Sau này Tỉnh giao cho Phòng khám đa khoa 2.490m² đất nêu trên.

[6]- Về quá trình khiếu nại và giải quyết khiếu nại của ông B1: Năm 2011, sau khi biết được có việc giao đất cho trạm y tế xã (sau này là Phòng khám Đa khoa khu vực xã P) vào năm 2003 thì ông B1 không đồng ý nhận tiền di dời và không bàn giao mặt bằng cho Phòng khám đa khoa và có đơn khiếu nại đến UBND xã, UBND huyện và UBND tỉnh và đã được giải quyết khiếu nại bằng các Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 03/02/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh và Quyết định số 6359/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND huyện G. Ngày 25/12/2012, UBND tỉnh có quyết định số 2546/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ các quyết định giải quyết khiếu nại số 600/QĐ-UBND và số 6359/QĐ-UBND đối với ông B1 nêu trên.

[7]- Ngày 27/11/2015, ông B1 có Đơn khiếu nại đến UBND tỉnh B với 02 nội dung như sau (BL: 34):

1- Khiếu nại trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Phòng khám Đa khoa khu vực xã P. Ông B1 cho rằng việc cấp đất cho phòng khám đã cấp trùm lên diện tích nhà đất mà gia đình ông đang sử dụng. Yêu cầu

UBND tỉnh thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho phòng khám đa khoa.

2- Yêu cầu UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B1 đối với diện tích 234m² thuộc thửa số 10, tờ bản đồ số 13, xã P.

[8]- Ngày 04/8/2016, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1791/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại với nội dung: “Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn B1 ..., về việc yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 234m² đất hiện do Trạm y tế xã P quản lý”.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại nên ông B1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1791/QĐ-UBND nêu trên.

Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông B1 thì thấy:

- Về thẩm quyền, trình tự ban hành quyết định giải quyết khiếu nại:

[9]- Ông B1 khiếu nại trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu UBND tỉnh thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thực chất là Quyết định giao đất số 875/QĐ-UB ngày 14/4/2003 của UBND tỉnh) đã cấp cho phòng khám đa khoa. Đây là trường hợp khiếu nại các quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai của UBND tỉnh nên thẩm quyền giải quyết khiếu nại của ông B1 thuộc Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại Điều 21 Luật khiếu nại.

[10]- Đối với khiếu nại về yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Căn cứ khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013 thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B1 thuộc thẩm quyền của UBND huyện G. Do đơn khiếu nại của ông B1 có 2 nội dung như nêu trên và việc xem xét yêu cầu khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B1 thì phải xem xét đến quyết định giao đất số 875/QĐ-UB ngày 14/4/2003 của UBND tỉnh giao đất cho Trạm y tế xã P nên Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết đối với nội dung khiếu nại này cùng với nội dung khiếu nại thứ 1 là đúng thẩm quyền.

[11]- Quá trình giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường xác minh vụ việc, đã tổ chức đối thoại với ông B vào ngày 06/7/2016 (BL: 27). Kết quả xác minh Sở Tài nguyên và Môi trường đã có tờ trình số 1790/TTr-STNMT ngày 18/7/2016. Như vậy, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND là đúng quy định tại Điều 29, 30 Luật khiếu nại.

- Về nội dung Quyết định số 1791/QĐ-UBND:

[12]- Tại Điều 1 của Quyết định số 1791/QĐ-UBND ghi: “không công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn B1 ..., về việc yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 234m² đất hiện do Trạm y tế xã P quản lý. Lý do: Phần diện tích đất trên của Nhà nước quản lý từ năm 1975 đến nay”.

[13]- Như vậy, trong 02 nội dung ông B1 khiếu nại thì Chủ tịch UBND tỉnh B chỉ giải quyết đối với yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 234m². Nội dung khiếu nại thứ 1 còn lại chưa được giải quyết.

[14]- Hiện tại ông B1 không có các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013, Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Phần diện tích đất 234m² ông B1 yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan đến diện tích đất UBND tỉnh giao đất cho Trạm y tế xã P theo quyết định giao đất số 875/QĐ-UB ngày 14/4/2003. Như vậy, có tranh chấp đất giữa ông B1 và Trạm y tế xã (nay là Phòng khám Đa khoa khu vực xã P). Theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013 thì điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp của ông B1 là: *Đất không có tranh chấp*. Căn cứ vào các quy định này thì do đất của ông B1 đang có tranh chấp nên khiếu nại của ông B1 yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 234m² đất nêu trên là không có cơ sở để chấp nhận.

Do vậy, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1791/QĐ-UBND, không chấp nhận yêu cầu khiếu nại về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 234m² đất nêu trên là có căn cứ pháp luật.

Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B1 là có căn cứ.

Ông B1 kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ gì mới nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B1.

Ông B1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do hộ ông B1 là hộ nghèo, có giấy chứng nhận hộ nghèo. (căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 thì ông B1 được miễn nộp tạm ứng án phí Tòa sơ thẩm không thu tiền tạm ứng tiền án phí kháng cáo đối với ông B, em đã bỏ việc trả lại án phí ở phần quyết định)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 100, khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013, Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B1, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B1 về yêu cầu hủy Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông B.

Ông B1 phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. (xem lại xem án sơ thẩm có tuyên án phí không)

- Án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông B1.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 14/9/2017.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- NKK;
- NBK;
- NLQ;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án, 14bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hùng

CÁC THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Minh

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Ba

Nguyễn Văn Hùng

